UBND THỊ XÃ NINH HÒA
TRƯỜNG THCS TRẦN QUANG KHẢI

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
Năm học: 2023 - 2024
Môn: Toán - Lớp 6
(Thời gian: 90 phút không kể thời gian giao đề)

I. MỤC TIÊU

Thu thập thông tin để đánh giá xem học sinh có đạt được chuẩn kiến thức, kĩ năng trong chương trình hay không, từ đó điều chỉnh phương pháp dạy học và đề ra các giải pháp thực hiện cho chương tiếp theo

1. Về kiến thức: Nhằm đánh giá các mức độ HS lĩnh hội kiến thức đã học (Số học + Hình học).

- Tập hợp, tập hợp các số tự nhiên
- Phép cộng, phép trừ, phép nhân và phép chia các số tự nhiên
- Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên
- Quan hệ chia hết, tính chất chia hết.
- Dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9
- Số nguyên tố, phân tích các số ra thừa số nguyên tố.
- Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.
- Hình chữ nhật,hình thoi, hình bình hành.

2. Về kĩ năng: Nhằm đánh giá mức độ :

- Kĩ năng tính toán.
- Kĩ năng suy luận, trình bày bài giải

3.Về năng lực:

- Tự làm, giải quyết vấn đề: các câu hỏi trong đề kiểm tra
- Sáng tạo: trong việc giải quyết câu hỏi vận dụng cao.

4. *Định hướng năng lực, phẩm chất*:

- Giúp học sinh phát huy năng lực tính toán, năng lực tự giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực tự đánh giá.

- Phẩm chất: Tự tin, tự chủ, yêu thích môn học.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Kiểm tra kiến thức Đại số và Hình học từ tuần 1 đến tuần 9 theo Kế hoạch giáo dục bộ môn Toán, trong đó: Đại số chiếm 70% của tổng điểm, Hình học chiếm 30% của tổng điểm.

- Hình thức: Trắc nghiệm: 30%, tự luận: 70%.

- Kiểm tra tập trung theo Kế hoạch của nhà trường.

III. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 6

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Số tự nhiên	Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên. *(5 tiết)*	3 (Câu 1;2;3) 0,75 đ		1 (Câu 4) 0,25đ	1 (Câu 13 a, 0,75đ					17,5%
		Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên *(9 tiết)*	2 (Câu 6) 0,25đ	1 (Câu 15) 1 đ		3 (Câu 13 b,c) 1,50đ					27,5%
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. *(10 tiết)*	4 (Câu 6, 7; 8;9; 10) 1,25đ					4 (Câu 14 a,b,c,d) 1,0 đ		1 (Câu 17) 0,75đ	30%
		Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành. *(5 tiết)*			2 (Câu 11; 12) 0,5 đ			2 (Câu 16a,b) 2,0 đ			25%
Tổng: Số câu Điểm			10 3,0 đ		7 4,0 đ		5 2,0 đ		1 1,0 đ		23 10,0 đ
Tỉ lệ %			30%		40%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

IV. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 6

TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**Tập hợp các số tự nhiên**	Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên	**Nhận biết:** – Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên.	3TN (Câu 1;2;3)			
			– Biểu diễn được các số tự nhiên từ 1 đến 30 bằng cách sử dụng các chữ số La Mã.		1TN (Câu 4)		
		Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên	**Nhận biết:** – Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính. – Nhận biết được khái niệm phép nâng lên lũy thừa.	2TN (Câu 5; 6)			
			Vận dụng: – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán.	1TL (Câu 15)		2TL (Câu 13a,b)	
			– Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí.			1TL (Câu 2b)	
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố.	**Nhận biết :** – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội.	2TN (Câu 7; 8)			
			– Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số.	2TN (Câu 9; 10)			
			Vận dụng: – Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2, 5, 9, 3 hay không.			4 TL (Câu 14 a,b,c, d)	
			Vận dụng cao:				1TL (Câu 17)

			– Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)***.				
		Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành.	**Thông hiểu:** – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên (ví dụ: tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên,...).		2TN (Câu 11; 12)		
			Vận dụng: – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên.		1TL (Câu 16 a,b		

DUYỆT CỦA BGH
P. HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Tùng

TỔ TRƯỞNG

Nguyễn Minh Hiếu

Giáo viên ra đề

Lê Đình Hiếu

UBND THỊ XÃ NINH HÒA
TRƯỜNG THCS TRẦN QUANG KHẢI

BẢN CHÍNH

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN: TOÁN 6
Thời gian làm bài: 90 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM: *(3 điểm)*

Chọn một đáp án đúng trong các phương án A, B, C, D ở mỗi câu sau và ghi vào bài làm.

Câu 1:Tập hợp nào dưới đây là tập hợp số tự nhiên **N** ?

A. $N = \{1;2;3;...\}$ **B.** $N = \{0;1;2;3;...;100\}$ **C**. $N = \{0;1;2;3;...\}$ **D**. $N = \{0;2;4;6;...\}$

Câu 2: Tập hợp A các số tự nhiên không vượt quá 8 được viết là:

A. A={0; 1; 2; 3; 4; 5; 6;7} **B**. A={0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8}

C. A={1; 2; 3; 4; 5; 6;7} **D**. A={1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8}

Câu 3: Cho tập hợp B = {3; 6; 9; 12}. Phần tử nào dưới đây không thuộc tập hợp B?

A. 6 **B.** 12 **C.** 9 **D.** 5

Câu 4: Số 19 trong hệ La Mã được viết là:

A. IX **B.** IXX **C.** XXI **D.** XIX

Câu 5: Tích 6.6.6.6 được viết dưới dạng một lũy thừa là:

A. 4^5 **B.** 4^6 **C.** 6^4 **D.** 6^5

Câu 6: Khi thực hiện tính toán trong biểu thức ***không*** chứa dấu ngoặc, thứ tự nào đúng?

A. Nhân, chia →Lũy thừa → Cộng,trừ **B.** Lũy thừa → Nhân,chia → Cộng,trừ.

C. Lũy thừa → Cộng,trừ →Nhân, chia **D.** Nhân, chia → Cộng,trừ → Lũy thừa.

Câu 7: Cho $24 \vdots x$ và $10 \leq x < 15$. Vậy x có giá trị bằng:

A. 12 **B.** 13 **C.** 14 **D.** 10

Câu 8: Số nào dưới đây chia hết cho 5 nhưng không chia hết cho 3?

A. 210 **B**. 375 **C**. 215 **D**. 300

Câu 9: Trong các số tự nhiên dưới đây, số nào là số nguyên tố?

A. 15 **B.** 14 **C**. 13 **D.** 12

Câu 10: Trong các số tự nhiên dưới đây, số nào là hợp số?

A. 11 **B.** 13 **C.** 15 **D.** 17

Câu 11: Cho hình bình hành có một cạnh dài 8 cm và độ dài đường cao ứng với cạnh 8cm là 4cm. Diện tích hình bình hành đó là:

A . 16 cm^2 **B.** 32 cm^2 **C.** 12 cm^2 **D.** 64 cm^2

Câu 12: Hai đường chéo hình thoi có độ dài lần lượt bằng 16cm và 10cm. Diện tích của hình thoi là:

A. $90cm^2$ **B.** $96cm^2$ **C.** $80cm^2$ **D.** $100cm^2$

II.TỰ LUẬN: *(7 điểm)*

Câu 13:*(2,25 điểm)* Thực hiện phép tính (Tính nhanh nếu có thể):

a) $243 + 358 + 157$ b) $4^2.65 + 35.4^2 - 1500$ c) $368 - \left[(10-3)^2 - 4^2.3\right]$

Câu 14:*(1,0 điểm)* Cho các số 320; 2315 ; 4914 ; 90; 543. Trong các số đó:

a) Những số nào chia hết cho 2?

b) Những số nào chia hết cho 5?

c) Những số nào chia hết cho 3?

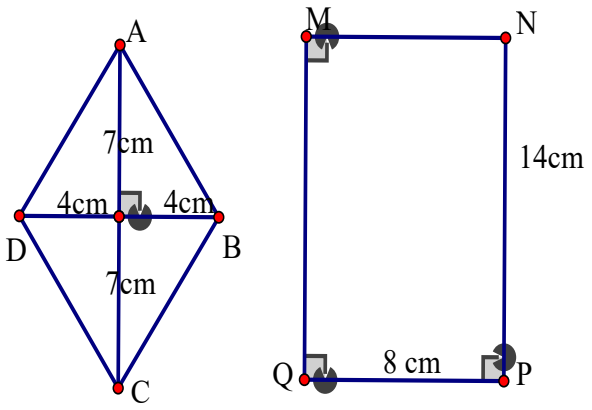
d) Số nào chia hết cho cả 2,3,5,9?

Câu 15:*(1 điểm)*

Cô Hà mua 30 quyển vở và 2 hộp bút chì mỗi hộp 12 chiếc Tổng số tiền phải thanh toán là 300 000 đồng. Biết giá một quyển vở là 6 000 đồng. Hỏi giá một chiếc bút chì là bao nhiêu đồng?

Câu 16: *(2 điểm)*

Quan sát hai hình vẽ bên,
a/ Tính diện tích của hình thoi ABCD và diện tích của hình chữ nhật MNPQ.
b/ Diện tích của hình chữ nhật MNPQ gấp mấy lần diện tích của hình thoi ABCD ?.



Câu 17:*(0,75 điểm)* Chứng tỏ: $A = 2 + 2^2 + 2^3 + \ldots + 2^7 + 2^8$ chia hết cho 3.

--- HẾT ---

(Đề này có 02 trang, giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm)

UBND THỊ XÃ NINH HÒA
TRƯỜNG THCS TRẦN QUANG KHẢI

BẢN CHÍNH

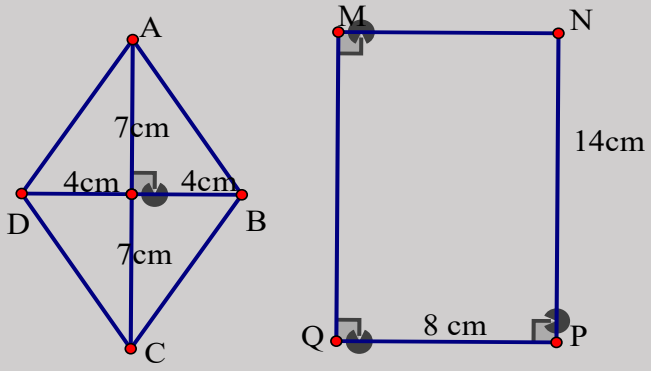
HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN TOÁN 6

A. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) *Mỗi câu trả lời đúng được 0.25 đ*

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đápán	C	B	D	D	C	B	A	C	C	C	B	C

B. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Đáp án	Biểu điểm
13a	243 + 358 + 157	0,75
	= (243 + 157) + 358	0,25
	= 400 + 358	0,25
	= 758.	0,25
13b	$4^2.65+35.4^2-1500$	0,75
	= 16. 65 + 35. 16 – 1500= 16(65 + 35) – 1500	0,25
	= 16. 100 – 1500= 1600 -1500	0,25
	= 100	0,25
13c	$368-\left[(10-3)^2-4^2.3\right]$	0,75
	= 368 – [7^2 - 16.3]	0,25
	= 368 – [49 - 48]	0,25
	= 368 – 1 = 367	0,25
14a	Cho các số sau: 320; 2315 ; 4914 ; 90; 543 a) Số nào chia hết cho 2?	0,25
	a) Các số chia hết cho 2 là: 320; 4914; 90	0,25
14b	b) Số nào chia hết cho 5?	0,25
	Các số chia hết cho 5 là : 320; 2315 ; 90.	0,25

14c	c) Số nào chia hết cho 3?	0,25
	c)Các số chia hết cho 3 là : 4914,543, 90	0,25đ
14d	d) Số nào chia hết cho cả 2,3,5,9?	0,25
	d)Số chia hết cho cả 2,3,5,9 là 90.	0,25
15	Cô Hà mua 30 quyển vở và 2 hộp bút chì mỗi hộp 12 chiếc Tổng số tiền phải thanh toán là 300 000 đồng. Biết giá một quyển vở là 6 000 đồng. Hỏi giá một chiếc bút chì là bao nhiêu đồng?	1,00
	Số tiền mua vở: 6 000.30 = 180 000 (đồng)	0, 25
	Số tiền mua bút chì: 300 00 – 180 000 = 120 000 (đồng)	0, 25
	Số bút chì: 12.2 = 24 (chiếc)	0, 25
	Giá tiền mỗi chiếc bút chì: 120 000: 24 = 5 000 (đồng)	0, 25
16a	Quan sát hai hình vẽ bên, a) Tính diện tích của hình thoi ABCD và diện tích của hình chữ nhật MNPQ.  	1,00
	Độ dài đường chéo AC là : 7+ 7 = 14(cm)	0,25
	Độ dài đường chéo BD là : 4+ 4 = 8(cm)	0,25
	Diện tích hình thoi ABCD là : (14. 8) : 2 = 56(cm^2).	0,50
	Diện tích hình chữ nhật MNPQ là : 14. 8 = 112 (cm^2)	0,50
16b	b) Diện tích của hình chữ nhật MNPQ gấp mấy lần diện tích của hình thoi ABCD	0,50
	Vì 56 = 112: 2	0,25
	Nên diện tích hình chữ nhật MNPQ gấp đôi diện tích hình thoi ABCD	0,25
17	Chứng tỏ: $A = 2 + 2^2 + 2^3 + \ldots + 2^7 + 2^8$ chia hết cho 3.	0,75
	$A = (2 + 2^2) + (2^3 + 3^4) + (2^5 + 2^6) + (2^7 + 2^8)$	

	$A=2.(1+2)+2^3.(1+2)+2^5.(1+2)+2^7.(1+2)$	0,25
	$A=(1+2).(2+2^3+2^5+2^7)$	0,25
	$A=3.(2+2^3+5^6+2^7)$ chia hết cho 3 Vậy tổng A chia hết cho 3	0,25

---------- Hết ----------

DUYỆT CỦA BGH **P. HIỆU TRƯỞNG**	**TỔ TRƯỞNG**	**Giáo viên ra đề**
Nguyễn Thanh Tùng	**Nguyễn Minh Hiếu**	**Lê Đình Hiếu**